

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 22

M.S.V

10.10.2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần GTNfoods (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Ông Tạ Văn Quyên	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Ông Nghiêm Văn Thắng	Thành viên
Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Ông Lê Thành Liêm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Bà Văn Thị Hằng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Ông Lê Chí Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS
Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhân
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Số: 0722 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần GTNfoods

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần GTNfoods (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 22 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

250
G I
H
T
NA
TP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng đã trình bày sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính về thông tin liên quan đến phương án tái cấu trúc Công ty bằng hình thức hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty đang lưu hành thành cổ phiếu của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2018-001-1



Phan Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 18 tháng 3 năm 2021
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

				Đơn vị: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.099.343.637.260	1.036.867.043.358	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	885.255.561.683	955.295.368.537	
1. Tiền	111		1.255.561.683	955.295.368.537	
2. Các khoản tương đương tiền	112		884.000.000.000	-	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		205.000.000.000	64.250.000.000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	205.000.000.000	64.250.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.775.706.485	15.108.616.975	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		107.334.246	7.799.847.246	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	4.021.075.000	4.279.173.383	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.475.706.485	6.858.005.592	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.828.409.246)	(3.828.409.246)	
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.312.369.092	2.213.057.846	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		90.533.601	111.646.765	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		150.552.702	-	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	2.071.282.789	2.101.411.081	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.601.465.479.305	1.602.498.941.612	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		87.590.300	5.000.000	
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	87.590.300	5.000.000	
II. Tài sản cố định	220		1.352.708.673	197.390.843	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.352.708.673	197.390.843	
- Nguyên giá	222		1.660.713.818	389.570.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(308.005.145)	(192.179.157)	
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-	
- Nguyên giá	228		142.000.000	142.000.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(142.000.000)	(142.000.000)	
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.599.902.095.153	1.600.748.934.769	
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.426.733.774.148	1.426.733.774.148	
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		230.899.972.315	230.899.972.315	
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(57.731.651.310)	(56.884.811.694)	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		123.085.179	1.547.616.000	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		123.085.179	1.547.616.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.700.809.116.565	2.639.365.984.970	

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		888.032.662	705.872.077
1. Nợ ngắn hạn	310		888.032.662	705.872.077
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	22.469.224	235.393.488
2. Phải trả người lao động	314		201.715.872	39.882.000
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		519.866.500	352.800.000
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		143.981.066	77.796.589
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.699.921.083.903	2.638.660.112.893
1. Vốn chủ sở hữu	410	11	2.699.921.083.903	2.638.660.112.893
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		245.042.505.974	245.042.505.974
3. Cổ phiếu quỹ	415		(14.364.328.733)	-
4. (Lỗ) lũy kế	421		(30.757.093.338)	(106.382.393.081)
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(106.382.393.081)	39.054.094.914
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) năm nay	421b		75.625.299.743	(145.436.487.995)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.700.809.116.565	2.639.365.984.970



Hoàng Mạnh Cường
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	21.588.006.750
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		-	21.588.006.750
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	20.876.907.500
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	711.099.250
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	84.945.373.119	21.518.735.032
6. Chi phí tài chính	22	14	846.839.616	167.818.996.081
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	227.845.798
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15	8.433.817.698	12.762.673.060
8. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		75.664.715.805	(158.351.834.859)
9. Thu nhập khác	31		19.635.721	13.263.777.162
10. Chi phí khác	32		59.051.783	348.430.298
11. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(39.416.062)	12.915.346.864
12. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		75.625.299.743	(145.436.487.995)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	-	-
14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		75.625.299.743	(145.436.487.995)



Hoàng Mạnh Cường
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	75.625.299.743	(145.436.487.995)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	115.825.988	445.431.957
Các khoản dự phòng	03	846.839.616	59.976.665.794
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(84.945.373.119)	83.706.296.404
Chi phí lãi vay	06	-	227.845.798
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.357.407.772)	(1.080.248.042)
Giảm các khoản phải thu	09	6.512.325.858	71.569.468.956
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	182.160.585	(4.647.424.881)
Giảm chi phí trả trước	12	1.445.643.985	658.515.931
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(227.845.798)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(1.793.199.856)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(217.277.344)	64.479.266.310
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.271.143.818)	(90.500.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.495.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.359.000.000.000)	(130.250.000.000)
- Trong đó: Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn		(1.359.000.000.000)	(130.250.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.218.250.000.000	204.630.000.000
- Trong đó: Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		1.218.250.000.000	204.630.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(262.554.837.528)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	909.584.520.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	86.562.943.041	15.232.997.556
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(55.458.200.777)	738.047.634.573

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(14.364.328.733)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	61.371.145.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(61.371.145.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.364.328.733)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(70.039.806.854)	802.526.900.883
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	955.295.368.537	152.768.467.654
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	885.255.561.683	955.295.368.537



Hoàng Mạnh Cường
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần GTNfoods được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105334948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 5 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 25 tháng 02 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: số 92 Đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 10 năm 2014 với mã giao dịch GTN.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 10 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 21 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Đầu tư tài chính; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; ...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
- Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP	Số 519 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	74,49%	74,49%	Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi
Công ty liên kết				
- Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần (i)	Số 92 Võ Thị Sáu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	16,23%	16,23%	Kinh doanh, sản xuất chè
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Số 31 Ngô Văn Sở, phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	38,30%	38,30%	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông thực phẩm
- Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Lô 5, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, xã Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	40,06%	40,06%	Sản xuất ống nhựa, và các sản phẩm từ nhựa

- (i) Tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam – Công ty Cổ phần dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam – Công ty Cổ phần thông qua đại diện trong Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam – Công ty Cổ phần được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất đầu tư (nếu có). Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm quản lý. Giá trị tài sản vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	-	27.175.625
Tiền gửi không kỳ hạn	1.255.561.683	955.268.192.912
Các khoản tương đương tiền (i)	<u>884.000.000.000</u>	-
	<u>885.255.561.683</u>	<u>955.295.368.537</u>

- (i) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 phản ánh các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với lãi suất 3,3%/năm.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	3.721.075.000
Ông Nhữ Mạnh Hải	300.000.000	500.000.000
Các đối tượng khác	-	58.098.383
	4.021.075.000	4.279.173.383

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	6.475.706.485	6.858.005.592
- Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	5.190.923.285	1.195.276.207
- Phải thu tiền thuê văn phòng	1.276.783.200	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	5.613.217.000
- Tạm ứng	8.000.000	30.877.600
- Phải thu khác	-	18.634.785
b. Dài hạn	87.590.300	5.000.000
- Ký cược, ký quỹ	87.590.300	5.000.000
Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 17)	1.276.783.200	5.613.217.000

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND		VND	
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	107.334.246	-	107.334.246	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Thái Nguyên	107.334.246	-	107.334.246	-
b. Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.721.075.000	-	3.721.075.000	-
- Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	-	3.721.075.000	-
	3.828.409.246	-	3.828.409.246	-

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	193.400.000	196.170.000	389.570.000
Tăng trong năm	-	1.271.143.818	1.271.143.818
Số dư cuối năm	193.400.000	1.467.313.818	1.660.713.818
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	110.441.667	81.737.490	192.179.157
Khấu hao trong năm	30.166.668	85.659.320	115.825.988
Số dư cuối năm	140.608.335	167.396.810	308.005.145
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	82.958.333	114.432.510	197.390.843
Tại ngày cuối năm	52.791.665	1.299.917.008	1.352.708.673

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 102.900.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 102.900.000 VND).

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu/nộp trong năm VND	Số đã thu/nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.071.282.789	-	-	2.071.282.789
Thuế khác	30.128.292	-	30.128.292	-
	2.101.411.081	-	30.128.292	2.071.282.789
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	130.224.377	8.233.605	138.457.982	-
Thuế thu nhập cá nhân	105.169.111	527.940.094	610.639.981	22.469.224
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	235.393.488	539.173.699	752.097.963	22.469.224

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		(Lỗi lũy kế)		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	2.500.000.000.000		245.042.505.974		-		39.054.094.914		2.784.096.600.888	
Lỗi trong năm	-		-		-		(145.436.487.995)		(145.436.487.995)	
Số dư cuối năm trước	2.500.000.000.000		245.042.505.974		-		(106.382.393.081)		2.638.660.112.893	
Số dư đầu năm nay	2.500.000.000.000		245.042.505.974		-		(106.382.393.081)		2.638.660.112.893	
Lợi nhuận trong năm	-		-		-		75.625.299.743		75.625.299.743	
Mua lại cổ phiếu quỹ (i)	-		-		(14.364.328.733)		-		(14.364.328.733)	
Số dư cuối năm nay	2.500.000.000.000		245.042.505.974		(14.364.328.733)		(30.757.093.338)		2.699.921.083.903	

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện mua lại 1.000.000 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/NQ-GTN.HĐQT/2020 ngày 20 tháng 3 năm 2020 theo phương thức khớp lệnh hoặc giao dịch thỏa thuận trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE"). Nguồn vốn từ thặng dư vốn cổ phần của Công ty.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 14/2020/GTN/NQ-HĐQT về việc bán toàn bộ số lượng cổ phiếu quỹ nêu trên. Thời gian dự kiến giao dịch từ ngày 11 tháng 01 năm 2021 đến ngày 09 tháng 02 năm 2021. Ngày 09 tháng 02 năm 2021, Công ty đã Công bố thông tin về việc hoàn thành bán toàn bộ 1.000.000 cổ phiếu quỹ này theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE").

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	250.000.000	250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	250.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.000.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	249.000.000	250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	249.000.000	250.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 25 tháng 02 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty là 2.500.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	1.875.000.000.000	75,00%	1.875.000.000.000	1.875.000.000.000
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	-	0,00%	-	350.000.000.000
Các cổ đông khác	624.000.000.000	24,96%	624.000.000.000	275.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	1.000.000.000	0,04%	1.000.000.000	-
	2.500.000.000.000	100%	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000

12. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	330.361.200	-
Từ 1 năm đến 5 năm	412.951.500	-

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện giá trị phải thanh toán theo hợp đồng thuê văn phòng dài hạn số 06/2020/HĐ-VP ngày 26 tháng 3 năm 2020 và phụ lục hợp đồng số 09/2020/PLHĐ-VP ngày 10 ngày 4 năm 2020. Thời hạn thuê là ba năm từ ngày 27 tháng 4 năm 2020 đến ngày 26 tháng 4 năm 2023.

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56.743.491.519	12.197.539.032
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.201.881.600	5.130.096.000
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	4.191.100.000
	84.945.373.119	21.518.735.032

14. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	846.839.616	62.606.513.020
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	104.915.717.163
Chi phí lãi vay	-	227.845.798
Khác	-	68.920.100
	846.839.616	167.818.996.081

15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.461.327.413	6.910.304.916
Chi phí đồ dùng văn phòng	59.570.943	137.392.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.825.988	445.431.957
Chi phí dự phòng	-	(2.629.847.226)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.174.395.871	4.740.561.657
Chi phí khác	622.697.483	3.158.829.578
	8.433.817.698	12.762.673.060

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	75.625.299.743	(145.436.487.995)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(75.625.299.743)	25.667.027.776
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(28.201.881.600)	(5.130.096.000)
- Cổ tức được chia	(28.201.881.600)	(5.130.096.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	(4.040.024.549)	30.797.123.776
- Chi phí dự phòng đầu tư	-	32.191.285.245
- Hoàn nhập dự phòng đã loại trừ năm trước	(4.773.086.422)	(2.629.847.226)
- Các khoản chi phí không được khấu trừ khác	733.061.873	1.235.685.757
Chuyển lỗ	(43.383.393.594)	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm đồng	Công ty liên kết
Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ	471.590.880	604.572.600
Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	471.590.880	604.572.600
Cổ tức được chia	28.201.881.600	5.130.096.000
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP	28.201.881.600	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	-	5.130.096.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khác	1.276.783.200	5.613.217.000
Tổng Công ty Chè Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.276.783.200	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	-	5.613.217.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	1.248.092.500	989.460.000

18. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, Công ty đã hoàn thành mua vào 29.454.210 cổ phiếu và ngày 04 tháng 02 năm 2021, Công ty tiếp tục mua thêm 4.189 cổ phiếu phát hành mới của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (công ty con của Công ty) theo phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nhà đầu tư chiến lược và cán bộ công nhân viên của công ty con này để tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty tại Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu sau các giao dịch trên là 26,78%.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, bao gồm nội dung về phương án tái cấu trúc Công ty bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu thông qua hợp đồng hoán đổi. Theo đó, Công ty được tái cấu trúc vào Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Vilico”) theo phương án Vilico phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông của Công ty để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu Công ty đang lưu hành, trên cơ sở tỷ lệ hoán đổi 1,6 : 1 (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu của Công ty vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu của Vilico). Theo quy định hiện hành, phương án hoán đổi cổ phiếu và tỉ lệ hoán đổi nêu trên cần được các cổ đông của Công ty và Vilico thông qua tại Đại hội đồng cổ đông trong năm 2021 và phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước phê duyệt. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục nêu trên chưa được thực hiện.



Hoàng Mạnh Cường
Người lập biểu/
Kế toán trưởng



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2021